

# TÍN DỤNG NGÂN HÀNG NĂM 2009 VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TỚI

**ĐỖ XUÂN TRƯỜNG**

*Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*

Năm 2009, là năm đầy sóng gió của thị trường tài chính trong nước. Hệ thống ngân hàng Việt Nam phải đối phó với tình hình suy giảm kinh tế. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã cùng với các tổ chức tín dụng (TCTD) theo dõi sát diễn biến và dự báo của các nước để chủ động điều hành chính sách tiền tệ, chuyển từ mục tiêu ngăn chặn lạm phát sang mục tiêu hàng đầu là ngăn chặn suy giảm kinh tế. Trong hệ thống các công cụ chính sách đó thì chính sách TD là yếu tố quan trọng nhất bởi vì tiền phát hành của các NH vào lưu thông chủ yếu qua con đường TD.

## KẾT QUẢ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG NĂM 2009

Trước tình trạng suy giảm của nền kinh tế, theo tinh thần Nghị quyết chống suy giảm kinh tế của Chính phủ, NHNN đã đưa ra cơ chế điều chỉnh lãi suất cơ bản từ 14%/năm trong tháng 10/2008 xuống còn 7%/năm kéo dài đến hết tháng 11/2009, không phát hành thêm tiền để mở rộng TD nhờ đó sản xuất được phục hồi, lạm phát được kiểm chế, các DN có điều kiện vay vốn NH.

Ngay từ đầu năm, NHNN đã chỉ đạo các TCTD sử dụng vốn lưu động và vốn tự có để cho vay, coi trọng đầu tư vào lĩnh vực SXCSVC, tăng cường XK. Với mặt bằng lãi suất cho vay 10,5%/năm và nhà nước hỗ trợ 4% theo chính sách kích cầu đã thúc đẩy các luồng vốn đầu tư vào SXKD, theo dự kiến tăng trưởng TD năm 2009 sẽ ở mức 25% gấp 4 lần so với mức tăng trưởng GDP. Các

TCTD đã mở rộng mạng lưới các điểm giao dịch thu hút hàng trăm ngàn tỷ đồng tiền nhàn rỗi của các tầng lớp dân cư vào quỹ NH, đồng thời đẩy mạnh cho vay các ngành kinh tế quốc dân nhằm thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa. Thị trường TD phát triển mạnh mẽ ở tất cả các NH với nhiều phương thức cung ứng vốn khác nhau, NH nào cũng muốn mở rộng thị phần để tăng doanh số hoạt động.

Với số vốn đầu tư hàng trăm ngàn tỷ đồng đã đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt là cho vay hỗ trợ lãi suất với số dư nợ là hơn 430 ngàn tỷ đồng đã giúp hàng ngàn DN và hộ KD duy trì và mở rộng SXKD tạo việc làm, ngăn chặn suy giảm kinh tế. Đối với các DNN, vốn NH tập trung cho các TCT, TĐKT lớn của nhà nước (Dầu khí, Than khoáng sản, Điện lực...). Cùng với các nguồn vốn

khác, vốn TD đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các DA của nhà nước mà Chính phủ phê duyệt. Các NHTM đã bố trí đủ vốn để giải ngân cho các hợp đồng TD đã ký kết đối với các DA lớn, trọng điểm quốc gia. NH tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản vay của các DN gặp khó khăn, đồng thời yêu cầu DN phải có phương án khắc phục. Đối với KVNT, vốn NH tập trung vào các vùng kinh tế trọng điểm, có tỷ suất hàng hóa cao như vùng lúa ĐBSCL, ĐBSH, vùng chè, cà phê ở Tây Nguyên, các hộ làm kinh tế trang trại, làng nghề, cho vay thu mua lúa gạo, cho vay để XK cá tra, cá ba sa. Với vai trò chủ đạo, chủ lực trên thị trường tài chính nông thôn, hệ thống NHNN&PTNT Việt Nam đã thực hiện tốt chính sách "Tam nông" với tổng số dư nợ và các khoản đầu tư đạt 397.686 tỷ đồng, trong đó 70% dư nợ được



đầu tư cho khu vực tài chính nông thôn. Đáng chú ý là 80% số hộ nông dân ở tất cả các vùng, miền trong cả nước được tiếp cận vốn vay. NHCSXH đã đầu tư cho vay vốn 62.422 hộ nghèo tại 62 huyện nghèo, trong đó mỗi hộ được vay tối đa 5 triệu đồng với lãi suất 0% trong 2 năm để mua trâu bò với tổng số tiền là 482,87 tỷ đồng; 16.285 hộ được hỗ trợ tiền làm chuồng trại chăn nuôi với tổng số tiền là 16,285 tỷ đồng; 222 hộ được hỗ trợ 603 triệu đồng mua giống trồng cỏ nuôi gia súc. Qua đó đã giảm được 4% hộ nghèo, diện mạo kinh tế ở KVNT đã được thay đổi rõ rệt, đời sống đồng bào dân tộc ở các vùng nghèo đã được cải thiện. Với số vốn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng, các DN, hộ KD đã trả nợ đầy đủ, ít có nợ quá hạn phát sinh. Nợ xấu của toàn ngành chiếm khoảng 2,46%, nhiều chi nhánh không có nợ xấu. Đối với các hộ nông dân gặp rủi ro thiên tai, dịch bệnh, NHNN đã chỉ đạo các NHTM giải quyết hợp lý các khoản nợ bằng nhiều cách như khoan nợ, giãn nợ, miễn lãi.

Ngoài các đối tượng cho vay phục vụ SXKD, XNK hàng hoá, NH còn mở rộng cho vay tiêu dùng để đảm bảo đời sống của người lao động. Thực hiện hàng loạt các cơ chế cho vay phù hợp để phát triển kinh tế, đảm bảo ASXH như cho vay xây dựng và mua nhà ở đối với người có thu nhập thấp, cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Đối với các DN vừa và nhỏ (DNVVN), vốn NH cho vay hỗ trợ các DN để mở rộng quy mô sản xuất, mua sắm các loại máy móc công cụ, xây dựng nhà xưởng và các loại chi phí sản xuất phục vụ cho hơn 300 nghìn DN ổn định sản xuất, vượt qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế.

Các NHTM và TCTD huy động mọi nguồn vốn, kịp thời đưa ra

biện pháp hợp lý cân đối giữa nguồn vốn và sử dụng vốn để thường xuyên đảm bảo an toàn khả năng thanh toán. Các NHTM cho vay đã thận trọng hơn trong việc thẩm định hồ sơ, sàng lọc khách hàng với phương châm “chọn mặt, gửi vàng”. Tuy nhiên, trong chiến lược KD nhiều NHCP đã cạnh tranh không lành mạnh, đã đẩy dư nợ tăng hơn so với mức dự kiến, dư nợ TD bình quân chung toàn ngành năm 2009 tăng 37%.

Trung tâm thông tin TD CIC đã phát huy vai trò là “tai mắt” của lãnh đạo. CIC cung cấp, cảnh báo kịp thời các DN có nợ quá hạn, nợ xấu, nợ vay nhiều như khách hàng có số dư nợ cao từ 100 tỷ đồng trở lên, hoặc 1 khách hàng có số dư nợ vay tại nhiều TCTD,... Qua đó, các NHTM cập nhật, tra cứu thông tin sẽ có quyết định cho vay hợp lý, tránh trường hợp cho vay chồng chéo, hạn chế và phòng ngừa được rủi ro TD, đảm bảo chất lượng trong tăng trưởng TD.

*Bên cạnh những kết quả đạt được của việc nới lỏng TD và hỗ trợ lãi suất thì tình hình TD năm 2009 vẫn còn nhiều tồn tại hạn chế, nhất là giải quyết hài hoà giữa tăng trưởng TD và kiểm chế lạm phát.*

*Thứ nhất*, thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp. Trong quan hệ với NH, hồ sơ thủ tục vay vốn vẫn còn rườm rà, gây tốn kém, nhiều khi làm mất cơ hội KD của DN. Trong điều kiện chính sách tiền tệ thắt chặt, các DN khó vay vốn NH thì thị trường “TD đen” hoạt động khá náo nhiệt, không ít những trường hợp hộ KD phải vay ngoài với lãi suất cao lên đến 4,5%/tháng. Có những địa phương người dân bị DN “lừa sỏ đỏ” để đem bán hoặc đem thế chấp vay tiền NH.

*Thứ hai*, DNVVN được coi là thị trường đầu tư đầy tiềm năng

của các NHTM vì phần lớn chủ các DNVVN thường là lớp người trẻ, năng động, nhạy bén với kinh tế thị trường, cách quản lý gọn nhẹ, ít có tham nhũng tiêu cực phát sinh. Nhưng phần lớn các DNVVN có lao động lành nghề ít, đội ngũ cán bộ thiếu trình độ quản lý dẫn đến hiệu quả quản lý và sử dụng lao động vô cùng khó khăn. Với phương thức quản lý đơn giản như “công ty gia đình”, chồng làm giám đốc, vợ làm phó giám đốc đồng thời kiêm luôn cả việc như văn thư, thủ quỹ, hành chính,... Hầu hết họ không có kế toán mà phải đi thuê ngoài nên nên thông tin về DN không đầy đủ, kịp thời. Báo cáo tài chính chưa có đủ độ tin cậy khi mà báo cáo cho cơ quan thuế thì phải giảm lợi nhuận để giảm bớt nghĩa vụ đối với ngân sách còn báo cáo với NH thì phải tăng lợi nhuận để được vay vốn NH. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tỷ trọng đầu tư vốn của NH chiếm tỷ trọng thấp (20%). Còn tồn tại nhiều sai sót trong hoạt động cho vay thông thường, một số khoản cho vay hỗ trợ lãi suất, chưa đúng quy định. Đối tượng hỗ trợ ngắn hạn được hưởng rộng trên phạm vi cả nước gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát làm phát sinh khối lượng công việc và chi phí lớn cho các NHTM, lãi suất sau khi được hỗ trợ tương đương lãi suất cho vay bằng USD và thấp hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn nên đã tác động làm TD tăng trưởng ở mức cao gây sức ép tăng lãi suất và tỷ giá, phát sinh những lợi dụng cơ chế để trục lợi.

*Thứ ba*, đối với KVNT tỷ trọng dư nợ được hỗ trợ lãi suất chiếm 45,96%. Tuy nhiên, nhiều các hộ nông dân chưa đáp ứng đủ điều kiện vay vốn theo quy định của Chính phủ do vướng mắc do điều kiện thủ tục cho vay chặt chẽ. Mặt khác mức tiền cho vay tối đa để mua vật tư nông nghiệp là 7 triệu

đồng/ha không đủ trang trải cho chi phí sản xuất. KVNT còn gặp nhiều khó khăn thiên tai, dịch bệnh.... khiến việc xử lý các khoản nợ bị rủi ro chưa được kịp thời. Đối với các hộ nông dân ở khu vực thành phố bị thu hồi đất để làm các khu công nghiệp, khu đô thị thì đời sống nông dân không ổn định gặp nhiều khó khăn. Đây là một trong những nguyên nhân vốn đầu tư vào lĩnh vực này còn chiếm tỷ trọng thấp nên vốn cho vay bị rủi ro, hiệu quả vốn đầu tư chưa cao. NH chưa mở rộng được TD đối với thị trường nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

*Thứ tư*, trong quá trình đầu tư vốn này sinh ra mối quan hệ giữa chặt chẽ TD và mối quan hệ của nó với tăng trưởng kinh tế. Có ý kiến cho rằng để kiểm chế lạm phát nên chặt chẽ TD thì các DN khó vay được vốn NH, sản xuất không phát triển được làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Ngược lại nếu nới lỏng TD nghĩa là hạ thấp các điều kiện cho vay, mở rộng đối tượng cho vay thì các DN vay vốn NH dễ dàng, hiệu quả sử dụng vốn kém, tiền đưa ra lưu thông nhiều ảnh hưởng lạm phát đối với nền kinh tế. Có những DN kiến nghị đòi giảm lãi suất các khoản vay trung hạn và dài hạn, khoan nợ hoặc giảm nợ để vượt qua giai đoạn khó khăn, nhưng về phía NHTM thì vốn NH cho vay là nguồn vốn huy động phải được thu hồi để hoàn trả cho người gửi tiền, đó là nguyên tắc. Vì vậy, phải giải quyết hài hoà giữa tăng trưởng TD và kiểm chế lạm phát là vấn đề tương đối khó khăn..

*Thứ năm*, quan hệ giữa NH với DN là quan hệ bạn hàng, hai bên bình đẳng cùng có lợi trong KD. Nhưng thực tế cho thấy, các DNNN, ngay cả những DN đã CP hóa thì hiệu quả sử dụng vốn chưa cao. Những DN này vốn nhà nước

còn chiếm tỷ trọng lớn trong vốn điều lệ các DN CP hóa (bình quân vốn nhà nước vẫn chiếm 52%), tuy CP hóa nhưng những DN này đa phần sử dụng những người quản lý cũ của DNNN nên không thay đổi tư duy, phương pháp quản lý mới theo yêu cầu của cơ chế thị trường. Còn có tư tưởng ý lại trông chờ vào sự chi viện của nhà nước. NHTM hoạt động trong cơ chế thị trường, nếu nguồn vốn huy động đầu vào "càng cao" thì lãi suất cho vay cũng sẽ tăng lên và ngược lại, nên chính sách lãi suất phải được điều hành theo tín hiệu thị trường. Các TCTD căn cứ vào đó để định ra lãi suất cho vay và huy động vốn phù hợp. Bản thân các NHTM do nguồn vốn huy động khó khăn nên thu hồi nợ được đến đâu cho vay đến đó. Thực tế chỉ có một số nhỏ DN có tín nhiệm là khách hàng truyền thống, vay vốn trả nợ sòng phẳng, còn đa phần là các DN này là những khách hàng mới, chưa có uy tín vậy mà cho vay không có tài sản đảm bảo hoặc giá trị tài sản đảm bảo nhỏ hơn giá trị khoản vay.

**ĐINH HƯỚNG TDNH TRONG THỜI GIAN TỚI**

Trong những năm tới, chính sách TDNH vừa phục vụ tăng trưởng kinh tế vừa thực hiện kiểm chế lạm phát. Vì vậy, cần tập trung huy động thu hút mọi nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi vào NH để cho vay phục vụ thúc đẩy sản xuất, tạo ra của cải, vật chất hàng hoá cho xã hội và phải chiếm tỷ trọng lớn để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên của toàn xã hội. TDNH cần tập trung vào một số vấn đề cụ thể dưới đây:

*Một là*, tiếp tục thực hiện chính sách chặt chẽ TD với phương châm huy động vốn được đến đâu cho vay đến đó để thực hiện mục tiêu CSTT quốc gia là duy trì sự ổn định tiền tệ, thực hiện kiểm chế lạm phát, duy trì tốc độ tăng trưởng

kinh tế hợp lý. Tổng phương tiện thanh toán và dư nợ TD năm 2010 đối với nền kinh tế tăng khoảng 25% so với cuối năm 2009, lãi suất và tỷ giá được điều hành ở mức hợp lý phù hợp với các cân đối kinh tế vĩ mô đảm bảo ổn định hoạt động và an toàn hệ thống. Thực hiện thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, không để nợ quá hạn phát sinh, kiên quyết xử lý những món nợ tồn đọng không sinh để có vốn tái đầu tư cho nền kinh tế. Coi trọng chất lượng, hiệu quả vốn đầu tư và thu hồi được nợ là mục tiêu số 1 của công tác TD. Đối với các khoản vay không trả nợ đúng hạn của các hộ nông dân bị thiệt hại do thiên tai và các DN gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm hàng hoá thì NHTM tiếp tục xem xét cơ cấu cho vay mới đối với các nhu cầu đảm bảo khả năng trả nợ. Phối hợp chặt chẽ với NHPT Việt Nam để thực hiện việc nhận bảo lãnh cho vay đối với các DNVVN.

*Hai là*, tập trung vào những khách hàng SXKD có hiệu quả, tài chính trong sạch, thu hút và sử dụng được nhiều lao động, hoàn thành nghĩa vụ đối với NSNN và nộp các khoản đóng góp khác. Các TCTD chỉ được dùng lãi suất thỏa thuận để cho vay các đối tượng trực tiếp phục vụ đời sống của cá nhân và hộ gia đình của khách hàng vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ TD, không được dùng lãi suất thỏa thuận để cho vay đầu tư KD BDS, đầu tư CK, vàng bạc đá quý. Ưu tiên vốn đầu tư vào các DN tư nhân, DNVVN, các DN sản xuất KD hàng XK, phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Đặc biệt là đầu tư vào các vùng kinh tế NL nghiệp có tỷ suất hàng hoá cao, các hộ làm kinh tế trang trại NL nghiệp, hải sản, XK có quy mô vốn hoạt động từ 5 tỷ đồng trở lên.

(xem tiếp trang 36)

ngiệp...) trong quá trình xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch và triển khai hoạt động dạy nghề.

*Thứ sáu*, đẩy mạnh XHH công tác dạy nghề, huy động các nguồn lực trong xã hội và cộng đồng quốc tế cho phát triển dạy nghề. Tạo sự bình đẳng giữa CSDN công lập và CSDN ngoài công lập trong dạy nghề (đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cán bộ quản lý, đặt hàng đào tạo...).

*Thứ bảy*, tiếp tục hoàn thiện thể chế dạy nghề, nhất là cơ chế tài chính đảm bảo lợi ích đối với người dạy nghề, người học nghề, người lao động qua đào tạo nghề; chính sách đối với doanh nghiệp tham gia dạy nghề... tạo động lực cho việc dạy và học nghề. Có chính sách hỗ trợ phù hợp đối với cả người học và CSDN, trong đó có cho vay ưu đãi để học nghề. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ cho người học nghề thuộc đối tượng chính sách xã hội (bộ đội xuất ngũ, người dân tộc, gia đình nghèo). Xây dựng chính sách thu

hút đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo nghề. Có cơ chế tạo sự kết nối giữa hệ thống đào tạo với người sử dụng lao động. Tăng cường vai trò của cộng đồng, của các đoàn thể, đặc biệt là các hội nghề nghiệp trong việc giám sát chất lượng dạy nghề. Hình thành Hội đồng quốc gia về dạy nghề, trong đó thành viên là các đại diện của các CQNN, các nhà khoa học, doanh nghiệp, đại diện người lao động và các đối tác xã hội khác.

*Thứ tám*, đảm bảo nguồn lực phát triển dạy nghề, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư cho phát triển dạy nghề. Nâng tỷ trọng đầu tư cho dạy nghề trong tổng ngân sách chi cho giáo dục đào tạo. Huy động các nguồn lực trong xã hội cho phát triển dạy nghề. NSNN tập trung đầu tư cho những CSDN trọng điểm, nghề trọng điểm (đầu tư đồng bộ), các vùng khó khăn, vùng núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; đào tạo nghề cho các đối tượng chính sách, nhóm yếu thế trong xã hội và phổ cập nghề

cho người lao động; từng bước giảm sự chênh lệch về mức độ thụ hưởng dịch vụ đào tạo nghề giữa các vùng, miền. Thu hút các nguồn lực quốc tế trong đào tạo nghề, thông qua các chương trình, dự án phát triển dạy nghề; đồng thời huy động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, người học để phát triển dạy nghề.

*Thứ chín*, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề, mở rộng trao đổi và học tập kinh nghiệm của các nước phát triển về các hoạt động dạy nghề. Khuyến khích các trường trong nước hợp tác với các trường đào tạo nghề của các nước phát triển về trao đổi chương trình đào tạo, trao đổi giáo viên, chuyên gia đào tạo; chuyển giao công nghệ, phương pháp giảng dạy. Hợp tác nghiên cứu khoa học về dạy nghề, nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ dạy nghề tiên tiến để nâng cao chất lượng dạy nghề. Tích cực tham gia các hoạt động quốc tế về dạy nghề. □

## Tín dụng Ngân hàng năm 2009...

(tiếp theo trang 27)

*Ba là*, mở rộng TD về nông thôn, thị trường vùng sâu, vùng xa để phát triển kinh tế hàng hoá, thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững đưa bình quân hộ nghèo xuống dưới 4%, cho vay để chuyển đổi cơ cấu lao động, đào tạo nghề, thực hiện khuyến nông, khuyến lâm bằng hệ thống các giải pháp kết hợp với chính sách của nhà nước với kinh nghiệm của người dân để nâng cao sức sản xuất, nhanh chóng cải thiện đời sống ở KVNT. Đối với các hộ nông dân vay vốn bị thiệt hại do thiên tai, được khoan nợ, giãn nợ, miễn giảm lãi tuý thuộc. Các TCTD rà soát lại toàn bộ các khoản vay của từng khách hàng để cơ cấu lại thời

hạn trả nợ, điều chỉnh lại kỳ hạn trả nợ cả gốc và lãi hoặc gia hạn nợ, đồng thời xem xét cho vay để khôi phục SXKD đối với từng khách hàng. Trường hợp khách hàng vay vốn bị thiệt hại nặng thì cần tổng hợp đề xuất với UBND tỉnh, báo cáo với Bộ Tài chính và NHNN để trình Chính phủ.

*Bốn là*, tăng cường kiểm tra chặt chẽ các khoản cho vay ở NH cơ sở, và nêu cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong KD của NHTM. Đổi mới hình thức và phương pháp kiểm tra chấp hành chế độ TD và kiểm tra sử dụng vốn vay ngay từ quy chế điều hành của NHNN. Cơ quan thanh tra giám

sát NH phối hợp với các bộ phận liên quan tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ theo định kỳ để bổ sung và sửa đổi cơ chế cho phù hợp phục vụ cho việc hoàn thiện dự thảo Luật NHNN và Luật các TCTD để trình Quốc hội khoá XII thông qua kỳ họp thứ 7.

*Năm là*, trọng quản trị điều hành cân coi trọng chất lượng và hiệu quả, nâng cao năng lực lãnh đạo của người đứng đầu đơn vị. Tăng cường cán bộ trẻ về cơ sở. Thực hiện chính sách luân chuyển cán bộ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ ở NHNN phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường. Tiếp tục bồi dưỡng, đào tạo cán bộ học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ chí Minh, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực và tham nhũng. □